

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày 28-11-2019

V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Thành Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Quốc Tuấn.
2. Bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn 2 (xóm 3 cũ) Vũ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn 9 (xóm 6 Đ cũ) Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 9 năm 2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L kết hôn với anh Phạm Văn B là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại gia đình nhà chồng, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm. Sau khi chị L sinh con là cháu Phạm Thị Thảo L (sinh ngày 10/4/2016) thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu

thuần trong cuộc sống gia đình, nguyên nhân do anh B không quan tâm tới vợ con, không giúp đỡ chị trong việc trông nom, chăm sóc con nhỏ nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau căng thẳng. Đến tháng 5/2017, chị L bế con bỏ về nhà bố mẹ để chị sinh sống và ly thân với anh B cho tới nay, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, anh B không hỏi quan, quan tâm đến con cái. Tháng 12/2018, chị và anh B đã thống nhất vợ chồng thuận tình ly hôn nhau nên hai bên đều ký vào đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh B.

- *Về con chung*: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 10/4/2016, do chị đang nuôi dưỡng. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Phạm Văn B; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành hoà giải được vụ án.

** Tại phiên toà:*

- Nguyên đơn chị Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn B. Đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu L cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện L. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn – anh B không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị L – anh B theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Đề nghị giao cháu L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Về tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Trần Thị L cung cấp, đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn – anh Phạm Văn B không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn B là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Chị L cho rằng: Sau khi chị sinh con, anh B không quan tâm tới vợ con, không có trách nhiệm với con cái nên vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, chị đã phải bế con về nhà bố mẹ để chị đẻ nhờ bố mẹ chị trông con hộ cho chị đi làm lấy tiền nuôi con, anh B cũng không quan tâm, giúp đỡ chị trong việc nuôi con, chăm sóc con. Đến tháng 5/2017, thấy không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ để chị sinh sống và ly thân với anh B; tháng 12/2018, chị và anh B đã thỏa thuận vợ chồng ly hôn nhau, cùng ký vào đơn thuận tình ly hôn.

Xét thấy: Theo kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương và nơi cư trú của anh B đều xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L - anh B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh chị đã ly thân nhau từ tháng 5/2017 cho tới nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Mặt khác, tháng 12/2018, anh chị đã làm đơn thuận tình ly hôn nhau, cùng ký vào đơn.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L – anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L, anh B có 01 con chung là cháu Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 10/4/2016, do chị L đang nuôi dưỡng. Chị L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị L là chính đáng. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu L ở với chị L, cuộc sống ổn định, hiện nay chị L làm công nhân của công ty TNHH dây dẫn S Việt Nam (khu công nghiệp II, Đ, D, Hà Nam), thu nhập trung bình 7.800.000 đồng/tháng, đủ điều kiện và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung chưa thành niên khi vợ chồng ly hôn; anh B không quan tâm, chăm sóc con chung và cũng không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Linh cho chị Loan tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với

Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thảo L, sinh ngày 10/4/2016 cho chị Trần Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Linh đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003544 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã C;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thành Nam